

Bản án số: 142/2022/HS-PT
Ngày 12-7-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Huy Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Lê Quân Vương.

Ông Nguyễn Văn Tài.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Xuân Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 276/2021/TLPT-HS ngày 28 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo Trần Danh T và bị cáo khác do có kháng cáo của bị cáo Trần Danh T và bị cáo khác đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 197/2021/HS-ST ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Danh T sinh năm 1997 tại tỉnh Tiền Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 3, thôn 1A, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; chỗ ở: số 179/24 đường L, khu phố 4, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Danh T và bà Nguyễn Thị L; có vợ và 02 con; tiền án; tiền sự, nhân thân: không. Bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác ngày 03 tháng 3 năm 2022, có mặt.

2. Nguyễn Thị L sinh năm 1997 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 3, thôn 1A, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; chỗ ở: số 179/24 đường L, khu phố 4, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang S và bà Nguyễn Thị P; có chồng và 02 con; tiền án; tiền sự, nhân thân: không. Bị cáo tại ngoại, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:* Ông Nguyễn Văn Hiệp – Luật sư, Công ty Luật TNHH MTV Thành Văn - Chi nhánh Bình Dương, thuộc đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Ngoài ra, có 01 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26 tháng 02 năm 2021 vợ chồng Trần Danh T và Nguyễn Thị L thuê nhà để ở tại địa chỉ số 179/24 đường L, khu phố 4, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. T làm nghề tài xế điều khiển xe ô tô chở khách thuê và sử dụng số điện thoại di động 0372.656.678 để đăng ký tài khoản mạng xã hội (viết tắt là Zalo) tên “Quang Vinh” và là thành viên nhóm Zalo tên “Nhận kèo Long An”.

Khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 15 tháng 4 năm 2021, một người sử dụng tài khoản Zalo tên “Taxi Mai Rùi Hồng” trong nhóm Zalo “Nhận kèo Long An” đăng tin với nội dung cần tìm kiếm một căn nhà có chỗ ở để gửi 03 cục hàng đặc biệt. T sử dụng tài khoản Zalo của T tên “Quang Vinh” liên hệ với người sử dụng tài khoản Zalo tên “Taxi Mai Rùi Hồng” để hỏi về 03 cục hàng đặc biệt thì người này yêu cầu T cho số điện thoại của T. T đồng ý và đưa số điện thoại 0372.656.678 cho người này. Một lúc sau đối tượng tên C sử dụng số điện thoại “+855986862879” gọi cho T. T, C trao đổi và thỏa thuận như sau: C nói với T 03 cục hàng đặc biệt là 03 người nước ngoài, T đến Ngã tư An Sương, Thành phố Hồ Chí Minh đón 03 người nước ngoài này về nhà T cho ở, lo ăn uống và sinh hoạt hàng ngày (giặt giũ...) 03 ngày từ ngày 15 tháng 4 năm 2021 đến 17 tháng 4 năm 2021, C sẽ trả cho T số tiền 2.000.000 đồng/ngày. T đồng ý và theo chỉ dẫn của C, đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, T điều khiển xe ô tô 86A – 12467 đến Ngã tư An Sương đón 03 người nước ngoài và chở về nhà thuê của vợ chồng T. Khi T đưa 03 người nước ngoài về nhà, Nguyễn Thị L hỏi T 03 người này ở đâu đến thì T nói với L là 03 người này là người nước ngoài, T đưa về nhà cho ở và lo ăn uống, T sẽ được trả số tiền 2.000.000 đồng/ngày. Qua trò chuyện với 03 người nước ngoài, T biết được 03 người này là người có quốc tịch Trung Quốc, thông qua nhóm của C tổ chức nhập cảnh trái phép vào Việt Nam để tìm đường sang nước Campuchia làm việc. T yêu cầu họ không được đi xuống lầu và đi ra bên ngoài để tránh bị người khác phát hiện sẽ báo chính quyền địa phương. T và L sẽ thay nhau nấu ăn hoặc mua thức ăn và lo nhu cầu sinh hoạt hàng ngày cho 03 người này. Đến ngày 17 tháng 4 năm 2021 C không đến đón 03 người Trung Quốc này nên T gọi điện thoại cho C, C nói do có việc nên không đến đón được và thỏa thuận với T là T sẽ tiếp tục chăm sóc cho 03 người Trung Quốc thêm 02 ngày nữa, T đồng ý.

Khoảng 18 giờ ngày 19 tháng 4 năm 2021, Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương phối hợp cùng Công an phường T kiểm tra hành chính nhà thuê số 179/24 của vợ chồng T và phát hiện có 03 người nước ngoài không giấy tờ tùy thân đang tạm trú. Qua xác minh 03 người nước ngoài có nhân thân, lai lịch như

sau: Hu Qing T, quốc tịch: Trung Quốc, sinh năm: 2000, giới tính: Nữ, quê quán: Quý Châu, Trung Quốc; Liu Y, quốc tịch: Trung Quốc, sinh năm 1998, giới tính: Nữ, quê quán: Quý Châu, Trung Quốc; Xiao Xian P, quốc tịch: Trung Quốc, sinh năm 1999, giới tính: Nam, quê quán: Quý Châu, Trung Quốc.

Ngày 22 tháng 4 năm 2021, Công an thành phố T chuyển hồ sơ đến Cơ quan An ninh Điều tra Công an tỉnh Bình Dương để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Công văn số 186/A08 – P6 ngày 06 tháng 5 năm 2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an xác định: Bà Hu Qing T, bà Liu Y và ông XiaoXian P không có thông tin xuất nhập cảnh vào Việt Nam và không có thông tin vi phạm trong lĩnh vực xuất nhập cảnh trên hệ thống quản lý. Ngày 03 tháng 5 năm 2021, Công an tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định xử phạt trực xuất theo thủ tục hành chính số đối với bà Hu Qing T, bà Liu Y và ông Xiao Xian P về hành vi “Qua lại biên giới quốc gia không làm thủ tục nhập cảnh theo quy định”.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 197/2021/HS-ST ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Trần Danh T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, bị cáo Trần Danh T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo kêu oan. Ngày 20 tháng 5 năm 2022, bị cáo L có đơn thay đổi kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, tại phiên tòa bị cáo T thay đổi kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến: Đơn kháng cáo của các bị cáo được thực hiện trong thời hạn luật định. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định hành vi của các bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép” là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, tại cấp phúc thẩm các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới, mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo là phù hợp tính chất, mức độ hành vi phạm tội và không nặng. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm bào chữa của Luật sư cho rằng tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép” là tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp, bản thân bị cáo Tường khi nhận 3 người nước ngoài cho cư trú tại nhà mình, bị cáo không biết những người này nhập cảnh trái phép, đến ngày 17 tháng 4 năm 2021 bị cáo mới biết, do nhận thức pháp luật chưa đúng nên bị cáo đã phạm tội, thực hiện tội phạm thời gian ngắn, hoàn cảnh bị cáo hiện tại sức khỏe không đảm bảo, bị cáo phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; chưa thu được khoản lợi bất chính; có 03 con nhỏ dưới 36 tháng tuổi; là lao động chính trong gia đình, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo T. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thị L đã thay đổi kháng cáo, thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận vì hành vi của mình, với diễn biến về hành vi phạm tội, hoàn cảnh phạm tội của bị cáo, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được nêu trong đơn kháng cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự chuyển loại hình phạt khác nhẹ hơn cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo T mong Hội đồng xét xử chấp kháng cáo giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của các bị cáo thực hiện trong thời hạn luật định, hợp lệ nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương, hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện việc điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Bị cáo Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của bị cáo không ảnh hưởng đến việc xét xử phúc thẩm của vụ án cũng như việc xem xét kháng cáo của bị cáo, căn cứ Điều 290 của Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị cáo.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trong quá trình sơ thẩm. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng

cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở xác định: ngày 15 tháng 4 năm 2021 đến ngày 19 tháng 4 năm 2021 tại địa chỉ số 179/24 đường L, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, Trần Danh T đã thực hiện hành vi tổ chức cho 03 người có quốc tịch Trung Quốc ở lại Việt Nam trái phép để thu lợi bất chính với số tiền 2.000.000 đồng/ngày. Bị cáo Nguyễn Thị L là đồng phạm giúp sức cho Trần Danh T trong việc cùng T thay nhau phục vụ nhu cầu ăn uống và sinh hoạt hàng ngày cho 03 người Trung Quốc. Hành vi mà các bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép” được quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ việc cho người khác ở lại Việt Nam trái phép là vi phạm pháp luật nhưng cố ý thực hiện vì mục đích vụ lợi. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

[5] Hành vi của các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Về nhận thức, các bị cáo hoàn toàn biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì vụ lợi và ý thức xem thường pháp luật nên bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội.

[6] Xét kháng cáo của bị cáo T, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, tại cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới. Tuy nhiên, mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo là chưa phù hợp tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, trong vụ án bị cáo chưa được hưởng lợi, thời gian thực hiện tội phạm ngắn. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[7] Xét kháng cáo của bị cáo L, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng tại cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ mới. Tuy nhiên, mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo là chưa phù hợp với tính chất, mức độ hành vi cũng như vai trò của bị cáo trong vụ án. Mặt khác, bị cáo kháng cáo kêu oan nhưng hiện tại đã thay đổi kháng cáo, thành khẩn nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[8] Viện Kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo là chưa phù hợp.

[9] Quan điểm của người bào chữa cho các bị cáo trình bày nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh dẫn tới việc bị cáo phạm tội, trình bày các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo là có căn cứ, việc đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là phù hợp. Tuy nhiên, việc đề nghị chuyển loại hình phạt khác nhẹ hơn cho bị cáo Linh là không phù hợp.

[10] Về án phí hình sự phúc thẩm: kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ

luật Tổ tụng hình sự năm 2015, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 344, Điều 345, điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015,

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 197/2021/HS-ST ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương về hình phạt.

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Trần Danh T 02 (hai) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 12 tháng 7 năm 2022).

Giao bị cáo Nguyễn Thị L cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương trực tiếp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo không phải nộp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.